TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 237/2024/QĐST-HNGĐ	*Pleiku, ngày 24 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Làng P, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
- Anh R, sinh năm 1994. Địa chỉ: Làng P, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Chị D và Anh R tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 20 tháng 8 năm 2014.

Quá trình chung sống, Chị D và anh Rêm đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Về con chung: Chị D và anh Rêm có 02 con chung là cháu Ksor D1, sinh ngày 06/12/2014 và cháu Ksor R1, sinh ngày 27/01/2023. Cháu Ksor D1 có nguyện vọng sống chung với Chị D sau khi cha mẹ ly hôn.

Khi ly hôn Chị D và anh Rêm thống nhất thỏa thuận:

- Giao 02 con chung là cháu Ksor D1 và cháu Ksor R1 cho Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị D và anh Rêm tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị D và anh Rêm phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh Rêm là người nộp tiền tạm ứng lệ phí và đồng ý chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

[5] Việc Chị D và anh Rêm cùng yêu cầu ly hôn, không yêu cầu chia tài sản và đã thỏa thuận việc trong nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo quyền lợi chính đáng của con. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có đủ căn cứ để công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị D và Anh R.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và Anh R thuận tình ly hôn.
- Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Ksor D1, sinh ngày 06/12/2014 và cháu Ksor R1, sinh ngày 27/01/2023 cho Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị D và anh Rêm không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án:

Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, anh Rêm tự nguyện chịu lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0001786 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị D và anh Rêm đã nộp xong tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thành phố Pleiku
(Giấy CNKH số xx ngày 20-8-2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Đình Nguyên